TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST Ngày: 20-9-2021 *V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Khắc Thái
2. Ông Nguyễn Văn Phiếu

- *Thư ký phiên toà:* Bà Đinh Trần Thanh Xuân – Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa*: Ông Đào Sỹ Kiều- Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 107/2021/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 08 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2021 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Triệu Thị Hồng Nh, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Thôn Tr, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định.

- ***Bị đơn:*** Anh Bùi Văn Tr, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn A, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 5 năm 2021 và bản tự khai, nguyên đơn Chị Triệu Thị Hồng Nh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Bùi Văn Tr kết hôn với nhau và có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình vào ngày 25/4/2019 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng anh chị sinh sống cùng gia

đình anh Trtại Thôn A, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Tuy nhiên hai vợ chồng chỉ hạnh phúc được vài năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau về mọi mặt, khi lấy nhau không tìm hiểu kỹ, bản thân anh Trkhông quan tâm đến vợ con. Hiện anh chị đã ly thân từ tháng 4/2020 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai về mọi mặt. Nay chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh Trtrầm trọng, không còn tình cảm vợ chồng nên chị xin ly hôn với anh Trđể ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Nh xác định chị và anh Tr có 01 con chung là cháu Bùi Triệu Xuân, sinh ngày 04/8/2019, hiện cháu đang ở với chị. Nếu ly hôn nguyện vọng của chị xin được tiếp tục nuôi cháu và không yêu cầu anh Trcấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với Anh Bùi Văn Tr mặc dù đã biết việc Tòa án nhân dân huyện N đã thụ lý giải quyết vụ án Chị Nh xin ly hôn với anh, nhưng anh Tr vẫn không gửi văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án đến Tòa án và cũng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Theo biên bản xác minh của Tòa án với Ủy ban nhân dân xã V thì hiện nay anh Trvẫn có hộ khẩu và đang sinh sống cùng với gia đình tại Thôn A, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo và giấy triệu tập của Tòa án cho bà Mai Thị Nguyên là mẹ đẻ của anh Trường, bà Nguyên nhận thay và cam đoan giao cho anh Trường.

Tại đơn xin xử vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với Anh Bùi Văn Tr và giải quyết về con chung.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021 Tòa án nhân dân huyện N đã thụ lý vụ án về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo đơn khởi kiện của Chị Triệu Thị Hồng Nh. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thủ tục pháp luật quy định.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Do bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn A, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Toà án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ:* Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Phiên họp kiểm tra tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải*: thực hiện đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát:* Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đã có đơn xin xử vắng mặt. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng: Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Triệu Thị Hồng Nh. Xử ly hôn giữa Chị Triệu Thị Hồng Nh và Anh Bùi Văn Tr.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Triệu Xuân, sinh ngày 04/8/2019 cho Chị Triệu Thị Hồng Nh tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Bùi Văn Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nhung.

3. Về án phí: Chị Triệu Thị Hồng Nh phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung:** *Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:*

[2.1].Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa Chị Triệu Thị Hồng Nh và Anh Bùi Văn Tr là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống được với nhau thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm, không hợp nhau về mọi mặt. Hai bên đã ly thân từ tháng 4/2020 cho đến nay. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Nhvới anh Trlà có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Chị Nhvà anh Trcó 01 con chung là cháu Bùi Triệu Xuân, sinh ngày 04/8/2019, hiện cháu đang ở với chị Nhung. Nguyện vọng của Chị Nhlà xin tiếp tục nuôi cháu và không yêu cầu anh Trcấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay Chị Nhkhỏe mạnh, có thu nhập, cháu Xuân tính đến ngày xét xử mới được 3 tuổi 1 tháng, cháu đang ở độ tuổi còn nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc đặc biệt của người mẹ. Mặt khác từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, anh Trcũng không đưa ra bất cứ ý kiến hay hành động gì về việc nuôi con. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định, lợi ích mọi mặt của cháu Xuân nên giao cháu Xuân cho Chị Nhtiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ theo Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do Chị Nhkhông có yêu cầu vì vậy không đặt ra việc giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Triệu Thị Hồng Nh phải chịu theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án miễn án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: - Các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Triệu Thị Hồng Nh. Xử ly hôn giữa Chị Triệu Thị Hồng Nh và Anh Bùi Văn Tr.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Triệu Xuân, sinh ngày 04/8/2019, hiện cháu đang ở với Chị Triệu Thị Hồng Nh, cho Chị Triệu Thị Hồng Nh tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Anh Bùi Văn Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị Triệu Thị Hồng Nh.

Sau khi ly hôn, ngời không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai đợc cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc và nuôi dỡng, giáo dục con thì ngời trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ngời đó.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Triệu Thị Hồng Nh phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) Chị Nhđã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí ly hôn số AA/2021/0003334 ngày 06/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND huyện N;*
- *Chi cục THADS huyện N;*
- *UBND xã V;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUỲNH